Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8486.20.51

Mã HS	8486.20.51
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, linh kiện bán dẫn, mạch điện tử tích hợp hoặc màn hình dẹt; máy và thiết bị nêu ở Chú giải 11 (C) của Chương này; bộ phận và phụ kiện / - Máy và thiết bị để sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp: / - - Thiết bị xử lý các tấm bán dẫn mỏng đã được phơi sáng hiện ảnh: / - - - Thiết bị khắc để đánh dấu hoặc khắc vạch lên các tấm bán dẫn mỏng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 05:29:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84862051/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14693
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14693
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14693
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14050
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13991
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13991
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13991
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13991
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13991
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13991
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14045
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14045
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14045
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14045

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14045
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14045
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14046
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14046
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14046
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14046
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14046
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14046
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14049
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13997
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14005
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14005
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14005
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14005
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14005
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14005
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14036
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14036
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14036
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14036
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14036
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14036
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14091
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14091
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14091
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14091

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14091
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14091
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14068
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14068
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14068
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14068
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14068
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14068
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14068
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14068
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14068
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14068
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14068
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14068
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14083
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14083
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14083
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14083
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14083
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14083
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14082
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14082
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14082
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14082
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14082
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14082

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14075
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14075
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14075
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14075
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14075
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14075
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14075
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14070
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14070
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14070
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14070
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14070
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14070
RCEP B	2022	2022	0	B!D14070
RCEP B	2023	2023	0	B!E14070
RCEP B	2024	2024	0	B!F14070
RCEP B	2025	2025	0	B!G14070
RCEP B	2026	2026	0	B!H14070
RCEP B	2027	2027	0	B!I14070
RCEP C	2022	2022	0	C!D14070
RCEP C	2023	2023	0	C!E14070
RCEP C	2024	2024	0	C!F14070
RCEP C	2025	2025	0	C!G14070
RCEP C	2026	2026	0	C!H14070
RCEP C	2027	2027	0	C!I14070
RCEP D	2022	2022	0	D!D14069

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14069
RCEP D	2024	2024	0	D!F14069
RCEP D	2025	2025	0	D!G14069
RCEP D	2026	2026	0	D!H14069
RCEP D	2027	2027	0	D!I14069
RCEP E	2022	2022	0	E!D14073
RCEP E	2023	2023	0	E!E14073
RCEP E	2024	2024	0	E!F14073
RCEP E	2025	2025	0	E!G14073
RCEP E	2026	2026	0	E!H14073
RCEP E	2027	2027	0	E!I14073
RCEP F	2022	2022	0	F!D14070
RCEP F	2023	2023	0	F!E14070
RCEP F	2024	2024	0	F!F14070
RCEP F	2025	2025	0	F!G14070
RCEP F	2026	2026	0	F!H14070
RCEP F	2027	2027	0	F!I14070
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13072
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13072
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13072
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13072

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8486.20 có 21 dòng thuế; dòng 8486.20.51 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Thiết bị khắc để đánh dấu hoặc khắc vạch lên các tấm bán dẫn mỏng.	8486.20.11 Thiết bị kết tủa khí hóa dùng cho ngành sản xuất bán dẫn; 8486.20.12 Máy kết tủa epitaxi dùng cho các tấm bán dẫn mỏng; thiết bị để tạo lớp phủ nhũ tương in ảnh lên các tấm bán dẫn mỏng bằng phương pháp quay; 8486.20.13 Thiết bị tạo kết tủa vật lý bằng phương pháp phun phủ lên các tấm bán dẫn mỏng; thiết bị lắng đọng vật lý dùng cho sản xuất bán dẫn; 8486.20.19 Loại khác; 8486.20.21 Máy cấy ghép ion cho quá trình xử lý vật liệu bán dẫn; 8486.20.29 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8486.20.51. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8486.20.51 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14693), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.